

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3836984 - **Fax:** (0251) 3836984

Website: www.donac.net

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
DN: C=VN, S=ĐỒNG NAI, L=BIÊN HÒA,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP - VẬT LIỆU
XÂY DỰNG ĐỒNG NAI,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600475018
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.06.09 14:36:38
Foxit Reader Version: 9.7.0

TÀI LIỆU

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**



THÁNG 06/2023



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (0251) 3836984 Fax: (0251) 3836984
Website: www.donac.net

DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
2. Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023.
4. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023.
5. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023.
6. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán.
7. Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phân phối lợi nhuận năm 2022.
8. Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
9. Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
10. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán.
11. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3836984

Fax: (0251) 3836984

Website: www.donac.net

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

(Bắt đầu lúc lúc 10h30 ngày 09 tháng 06 năm 2023)

| Thời gian | Nội dung |
|---------------------|--|
| 10:30 – 10:45 | Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: <ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông;- Kiểm tra tư cách đại biểu, phát thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và tài liệu Đại hội. |
| 10:45 – 11:00 | Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;- Tuyên bố lý do, giới thiệu Chủ tọa;- Thông qua Quy chế làm việc.- Chủ tọa giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tọa, Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban Kiểm phiếu;- Thông qua Chương trình Đại hội. |
| 11:00 – 11:15 | Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trình bày các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023;- Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023;- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023. |
| 11h15 – 11h30 | Các tờ trình Đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã qua kiểm toán;- Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022;- Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023;- Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;- Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán;- Nội dung khác (nếu có). |
| 11:30 – 11:45 | Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua báo cáo, các tờ trình. |
| 11:45 – 11:50 | Đại hội giải lao – kiểm phiếu <ul style="list-style-type: none">- Ban kiểm phiếu làm việc. |
| 11:50– 12:00 | Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết. |
| 12:00 – 12:15 | <ul style="list-style-type: none">- Ban Thư ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ;- Thông qua Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ;- Tuyên bố bế mạc Đại hội. |



QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.

3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

4. NỘI DUNG QUY CHẾ

4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn **ba mươi (30) ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn **hai mươi (20) ngày** kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba (03) được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại 17/05/2023 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

4.3 Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo

chương trình kế hoạch.

4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các Thành viên.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

4.6 Thư ký Đại hội

- Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông

báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

4.7 Ban Kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

4.8 Ban Kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban Kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban Kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với ĐHĐCĐ tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp ĐHĐCĐ Công ty được tổ chức tiến hành.

4.9 Phát biểu tại Đại hội

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

4.10.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình đề Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
 - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban Kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023; Báo cáo Ban Kiểm soát năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023; Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023; Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022; và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

4.10.2 Cách thức biểu quyết

- o Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban Kiểm tra tư cách đại biểu/Ban Kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban Kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 17/05/2023) tổng số cổ phần của Công ty là: 27.223.647 cổ phần tương đương với 27.223.647 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

4.11 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

5. Thực hiện

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy,

Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

quy chế quản lý hiện hành của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Công ty biểu quyết thông qua.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN CÔNG LÝ

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**



**BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2022**



THÁNG 06/2023





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty cổ phần Tấm lợp VLXD Đồng Nai báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2023 về công tác quản trị trong năm 2022 như sau:

PHẦN 1 – BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2022

1. Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty

Năm 2022 là một năm nền kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, suy thoái nặng nề, Công ty CP Tấm lợp VLXD Đồng Nai cũng như nhiều doanh nghiệp khác bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Hội đồng quản trị cùng toàn thể CBCNV đã nỗ lực phấn đấu thực hiện mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra tuy nhiên vẫn chưa đạt được. Bên cạnh đó, Công ty đã nghiêm túc thực hiện các quy định về Luật môi trường, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh không tác động tiêu cực đến môi trường,

. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, cụ thể như sau:

| c | Đơn vị | Năm 2022 | | | Thực hiện 2021 | % TH 2022/ TH 2021 |
|-----------------|------------|----------|-----------|---------|----------------|--------------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | %TH /KH | | |
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 263.000 | 191.702 | ↓27.11% | 187.336 | ↑ 2,33% |
| EBITDA | Triệu đồng | 82.900 | 27.990 | N/A | 54.312 | N/A |
| Lỗ sau thuế | Triệu đồng | 1.250 | (77.594) | N/A | (46.037) | N/A |

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

❖ Tổng kết các hoạt động của Hội đồng quản trị

Ngay sau ĐHĐCĐ thường niên 2022, HĐQT Công ty đã nghiêm túc triển khai Nghị quyết Đại hội, thực hiện công bố thông tin sau Đại hội; thực hiện các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao phó.

HĐQT của Công ty đã duy trì họp định kỳ theo như quy định của Điều lệ Công ty, báo cáo kịp thời hoạt động cho Ủy ban chứng khoán Nhà Nước theo đúng quy định.

Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 03 thành viên, các cuộc họp trong năm đều có sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên trong HĐQT.

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số buổi họp | Tỷ lệ |
|-----|------------------------|-----------------|-------------|-------|
| 1 | Ông Nguyễn Công Lý | Chủ tịch HĐQT | 03 | 100% |
| 2 | Ông Nguyễn Bá Thuyền | Thành viên HĐQT | 03 | 100% |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Mai Thảo | Thành viên HĐQT | 03 | 100% |



❖ **Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã ban hành 03 Nghị quyết liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

| STT | Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------------|------------|---|
| 1 | 01/2022/NQ-HĐQT | 05/04/2022 | Hoãn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 do dịch Covid |
| 2 | 02/2022/NQ-HĐQT | 05/04/2022 | Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 20/05/2022 |
| 3 | 03/2022/NQ-HĐQT | 14/04/2022 | Điều chỉnh ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |

❖ **Chế độ thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT**

Thực hiện theo nội dung Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, do kết quả kinh doanh của Công ty vẫn còn lỗ nên HĐQT sẽ không nhận thù lao năm 2022.

3. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu của HĐQT đã đặt ra để có được kết quả tốt nhất. Trong năm 2022, thị trường xi măng gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều đóng góp trong công tác quản trị, cắt giảm chi phí, điều hành kinh doanh sản xuất để cùng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn.

Kết quả giám sát như sau:

- ❖ Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng, thực hiện các giải pháp linh hoạt trong điều hành các hoạt động kinh doanh trên cơ sở nhận thức đúng đắn khó khăn, thách thức mà Công ty phải đối mặt.
- ❖ Ban Tổng Giám đốc đã giám sát, phân bổ nguồn vốn đầu tư, đồng thời đề xuất các điều chỉnh về kế hoạch đầu tư trong tương lai.

Ban Tổng Giám đốc đã đề xuất và phối hợp với HĐQT một cách tích cực trong việc thực hiện những biện pháp xử lý những vấn đề phát sinh, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động của Công ty.

❖ **Đối với các cán bộ quản lý khác**

Cán bộ, công nhân viên luôn tích cực làm việc nâng cao năng suất, Công ty luôn đảm bảo trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ, tuân thủ các quy định về an toàn lao động cũng như phòng chống dịch Covid-19. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng nâng cao chất lượng nhân lực, tạo điều kiện tốt nhất với môi trường làm việc thân thiện để thúc đẩy sự phát triển của cá nhân mỗi người lao động.



Phần 2 – PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Mục tiêu và Kế hoạch đề ra trong năm 2023

Năm 2023, nền kinh tế nói chung và ngành xây dựng nói riêng được kỳ vọng là sẽ nhanh chóng phục hồi. Tuy nhiên, dự báo các chuyên gia cho ngành xi măng vẫn phải đối mặt với áp lực tăng chi phí đầu vào do giá nguyên vật liệu sản xuất đầu vào tăng.

Riêng về thị trường tấm lợp fibro xi măng, chưa có nhiều chuyển biến lạc quan. Các năm gần đây, Hiệp hội Tấm lợp Việt Nam siết chặt quản lý hoạt động sản xuất tấm lợp fibro: như tự động hóa dây chuyền (cụ thể là khâu xé bao định lượng amiang trắng), cách ly khu nghiền amiang trắng,... Như vậy, Hội đồng Quản trị Công ty phải đề ra mục tiêu phấn đấu nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách tăng năng suất, cải tiến chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm giá thành sản phẩm. phải có kế hoạch sản xuất bám sát nhu cầu thị trường, tránh ứ đọng, tồn kho.

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty và định hướng kế hoạch SXKD trung hạn 2021-2025 của Công ty. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương hướng quản trị, điều hành cho năm 2023 bao gồm một số nội dung chính như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu cơ bản | DVT | Kế hoạch 2023 |
|--|---------|---------------|
| SẢN XUẤT | | |
| - Tấm lợp | m2 | 2.264.277 |
| - Xi măng | Tấn | 602.460 |
| TIÊU THỤ | | |
| - Tấm lợp | m2 | 2.238.350 |
| - Xi măng | Tấn | 602.460 |
| TÀI CHÍNH | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV | Tỷ đồng | 231,24 |
| EBITDA | Tỷ đồng | 92,98 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 3,05 |

Mục tiêu và phương hướng cải tiến trong tương lai

Trải qua nền kinh tế năm 2022 có nhiều biến động, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời ứng phó với khó khăn nền kinh tế vĩ mô. Hội đồng quản trị nỗ lực thực hiện mục tiêu kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông bằng những giải pháp cải tiến như:

- Công ty quyết liệt từng bước giảm tỉ trọng cơ cấu nợ ngắn hạn, giảm thiểu rủi ro mất khả năng thanh toán đang tiềm ẩn.
- Đa dạng hóa thêm nhiều dòng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó, cần chú trọng nhiều vào chất lượng sản phẩm, tập trung vào những ngành nghề kinh doanh



chính và những ngành nghề kinh doanh có lợi thế.

- Sử dụng nguồn vốn hợp lý và hiệu quả, ổn định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường tính kiểm soát, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, nâng cao hiệu quả công việc.
- Nhân lực là yếu tố then chốt trong sự phát triển của doanh nghiệp. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ nhân viên, nhằm phát huy tối đa khả năng sáng tạo và tư duy của từng cá nhân.

Kính thưa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023,

Trên đây là báo cáo một số nét chính về tình hình hoạt động trong năm 2022 vừa qua của Công ty và phương hướng, nhiệm vụ cho năm 2023. HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường chỉ đạo, bám sát tình hình thực tế, giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cuối cùng, thay mặt cho HĐQT, tôi xin được gửi lời tri ân tới Quý vị cổ đông, Quý Khách hàng, các nhà đầu tư, đối tác và đồng nghiệp vì đã tin tưởng, ủng hộ Công ty trong năm vừa qua.

Trân trọng kính trình Đại hội và chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**



**BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
NĂM 2022**



THÁNG 06/2023





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) giao, đồng thời thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát (“BKS”) được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp. BKS xin trình bày báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tấm lợp VLXD Đồng Nai được tổ chức ngày 9 tháng 6 năm 2023 với các nội dung sau:

I. KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

1. Các hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát hoạt động gồm 3 thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Thùy Vy - Trưởng ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Hoàng Vĩ - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Phạm Đức Hùng - Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tổ chức hai cuộc họp theo định kỳ và đại diện Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT Công ty.

Hoạt động của Ban Kiểm soát tập trung vào những công việc chủ yếu như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật trong việc quản lý của Công ty và việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát các hoạt động đầu tư, tình hình sử dụng và quản lý vốn;
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành;
- Đề xuất ĐHĐCĐ phê duyệt phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của công ty;
- Thực hiện các công tác khác theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

2. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đều được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của Tổng giám đốc phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh. HĐQT đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra.

3. Kiểm soát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc đã thực thi tốt các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, tuân thủ quy chế, quy định nội bộ. Chú trọng và nâng cao công tác quản trị sản xuất, chủ động nghiên cứu và áp dụng các nguyên nhiên vật liệu thay thế, công nghệ với mục tiêu tối ưu hóa chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tiềm năng của sản phẩm Tấm lợp VLXD Đồng Nai trên thị trường.



- Các Quy chế hoạt động Công ty đã được Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt, đảm bảo tốt hơn tính kế hoạch và tính hệ thống của hoạt động sản xuất và kinh doanh.
- Tối ưu hóa các phương thức phát triển thị trường, phục vụ quảng bá hình ảnh sản phẩm.
- Ban Tổng Giám đốc thực thi nghiêm ngặt các quy định về quản lý tài chính, sử dụng linh hoạt nguồn vốn của Công ty và thực hiện vận hành máy móc, trang thiết bị đảm bảo an toàn lao động cho người lao động.

4. Thẩm định báo cáo tài chính và hoạt động tài chính năm 2022

Báo cáo tài chính năm 2022 được kiểm toán viên đưa ra ý kiến “Từ chối đưa ra kết luận” về khả năng hoạt động trong tương lai của Công ty liên quan đến khoản nợ vay và lỗ lũy kế lớn hơn vốn điều lệ, Ban Tổng giám đốc có giải trình như sau:

- Năm 2022 sau dịch COVID-19, thị trường Xây dựng trong nước đang bước vào quá trình hồi phục, tuy nhiên, chi phí nguyên vật liệu đầu vào năm 2022 tăng đột biến dẫn đến việc doanh thu gia công xi măng tuy có tăng so với năm trước nhưng vẫn chưa đạt được kỳ vọng mong muốn. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh tấm lợp vẫn đạt được biên lợi nhuận tốt và sinh lời cho Công ty.
- Khoản lỗ lũy kế của Công ty đến từ chi phí lãi vay đầu tư Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch, Công ty đang trong quá trình làm việc với Ngân hàng để thống nhất kế hoạch trả nợ phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.

Ngoài vấn đề nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện các đánh giá và tin tưởng rằng Công ty vẫn tiếp tục tạo ra dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh để đáp ứng trả nợ vay và hoạt động liên tục trong các năm tiếp theo.

- Ý kiến của BKS:

BKS ghi nhận ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty thể hiện đúng sự thật khách quan của sự việc. Tuy nhiên cũng cần lưu ý HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chủ động làm việc với đơn vị kiểm toán, ngân hàng và các đối tác chiến lược để làm rõ những vấn đề theo ý kiến nêu trên.

BKS hoàn toàn thống nhất với các số liệu đã được kiểm toán trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

5. Báo cáo chi phí thù lao của Ban kiểm soát Công ty

Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, BKS không nhận thù lao năm 2022.

II. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG TRONG NĂM 2022

BKS và HĐQT luôn làm việc trên tinh thần hợp tác và đã phối hợp kịp thời trong những trường hợp cần thiết để hoạt động Công ty vừa được tiến hành đúng quy định của pháp luật vừa đáp ứng được yêu cầu của ĐHĐCĐ. Sự phối hợp chặt chẽ và kịp thời giữa BKS và HĐQT sẽ tiếp tục được nâng cao và gắn kết chặt chẽ hơn để hoàn thiện và giúp công ty không ngừng phát triển tốt hơn nữa.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

- Cân đối ngân sách để thực hiện đúng và đủ các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

150/2023/PT-CT



- Các hoạt động sổ sách kế toán tài chính và kế toán quản trị cần được cập nhật và bảo toàn thủ các quy định pháp luật hiện hành.
- Sản xuất kinh doanh xi măng: duy trì và phát triển hệ thống phân phối cũng như chính sách bán hàng kịp thời.
- Duy trì và nâng cao dây chuyền thiết bị hoạt động ổn định với năng suất cao, chất lượng xi măng và clinker ổn định. Đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu về tối ưu hoá hoạt động sản xuất và tối ưu hoá định mức sản xuất.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Căn cứ nhiệm vụ mục tiêu được ĐHĐCĐ thảo luận biểu quyết thông qua, chúng tôi tiếp tục xây dựng kế hoạch cho công tác kiểm soát năm 2023, cụ thể:

- Thực hiện duy trì giám sát và đánh giá kịp thời tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Kiểm tra giám sát việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT phù hợp với Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ và phù hợp với qui định của Pháp luật.
- Tiếp tục duy trì và tăng cường kiểm tra giám sát, nắm bắt tình hình, tham gia ý kiến góp ý tham mưu cho HĐQT, Tổng Giám đốc.

Trên đây là báo cáo năm 2022 và kế hoạch công tác năm 2023 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



NGUYỄN THỊ THÙY VY

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VLXD ĐỒNG NAI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**



**BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NĂM 2022**

03 ◆ 80

THÁNG 06/2023





BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2023

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tấm lợp VLXD Đồng Nai, tôi xin trình bày báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2022 như sau:

I. TỔNG QUAN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH:

Trái qua năm 2022, nền kinh tế Việt Nam cũng như nhiều nền kinh tế lớn khác trên Thế giới gặp phải nhiều khó khăn. Mặc dù GDP Việt Nam tăng trưởng 8,02% trong năm 2022, nhưng nền kinh tế Việt Nam đã chịu sự ảnh hưởng nặng nề từ các nền kinh tế lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nga,... Bên cạnh đó, sau đại dịch Covid-19, thị trường kinh tế Việt Nam đã đối mặt với một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, đặc biệt là trong ngành xây dựng và bất động sản, điều này khiến NHNN liên tục điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản để kiềm chế lạm phát cũng như hạn chế đồng nội tệ bị mất giá. Công ty cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, do khoản nợ vay chiếm tỉ trọng tương đối lớn trong cơ cấu nguồn vốn. Năm bắt được khó khăn nền kinh tế vĩ mô, Ban lãnh đạo Công ty đã lên kế hoạch và có chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty, duy trì được cơ cấu doanh thu của mình, không có sự thay đổi quá lớn và có sự khởi sắc vào cuối năm 2022. Điều này cho thấy nỗ lực của Ban lãnh đạo trong việc đưa công ty vượt qua những khó khăn của thị trường cũng như những khó khăn hiện tại của Công ty.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2022

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2022 | | | Thực hiện 2021 | % TH 2022/ TH 2021 |
|-------------------------|------------|-----------|-----------|---------|----------------|--------------------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | %TH /KH | | |
| Sản lượng sản xuất | | | | | | |
| + Tấm lợp | M2 | 1.410.500 | 1.847.656 | ↑30.99% | 2.034.629 | ↓ 9.19% |
| + Xi măng | Tấn | 642.000 | 440.587 | ↓31.37% | 431.396 | ↑ 2.13% |
| Sản lượng tiêu thụ | | | | | | |
| + Tấm lợp | M2 | 1.410.500 | 1.953.072 | ↑38.47% | 2.085.613 | ↓ 6.36% |
| + Xi măng | Tấn | 642.000 | 440.587 | ↓31.37% | 431.396 | ↑ 2.13% |
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 263.000 | 191.702 | ↓27.11% | 187.330 | ↑ 2.33% |
| EBITDA | Triệu đồng | 82.900 | 27.990 | N/A | 54.312 | N/A |
| Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế | Triệu đồng | 1.250 | (77.594) | N/A | (46.037) | N/A |

Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022: doanh thu từ hai mảng kinh doanh chính của công ty là bán tấm lợp và gia công xi măng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, tuy nhiên kết quả kinh



doanh bị lỗ chủ yếu do chi phí lãi vay, bên cạnh đó yếu tố chi phí nguyên liệu đầu tăng cao cũng tác động đáng kể khiến biên lợi nhuận của Công ty sụt giảm. Cụ thể như sau:

- Gia công xi măng: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm 31.37% so với kế hoạch đề ra do tác động thị trường khiến đơn hàng từ đối tác kinh doanh sụt giảm, tuy nhiên doanh thu thuần từ gia công xi măng vẫn đạt 121.339 triệu đồng, tăng 1,15% so với năm 2021.
- Tấm lợp: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ vượt kế hoạch đề ra lần lượt là 30,99% và 38,74%. Doanh thu thuần từ bán tấm lợp đạt 71.694 triệu đồng vào năm 2022, tăng 4,62% so với năm 2021. Khoảng 5 năm gần đây, nhu cầu thị trường cho sản phẩm tấm lợp fibro xi măng giảm hẳn đi, chủ yếu là do sự lan truyền các thông tin sai lệch về sản phẩm (như amiang trắng gây ung thư), và sự cạnh tranh khốc liệt của nhiều sản phẩm thay thế (như tôn kẽm, tôn mạ màu). Trong bối cảnh khó khăn đó, Công ty đã nỗ lực để duy trì sản lượng đầu ra, đây là một kết quả khá tốt của Ban Giám đốc Công ty.

Đánh giá chung của Ban Tổng giám đốc:

- Thuận lợi:

- Hệ thống các quy định, quy chế quản lý nội bộ luôn được sửa đổi, bổ sung phù hợp với hoạt động của Công ty theo từng thời kỳ;
- Đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty có năng lực, kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong môi trường hoạt động sản xuất kinh doanh có tính cạnh tranh cao;
- Nhận được sự tin tưởng và ủng hộ từ các cổ đông, các đối tác, khách hàng các Cơ quan quản lý Nhà nước và các cấp chính quyền địa phương.

- Khó khăn:

- Do chiến tranh Ukraine – Nga khiến cho chuỗi cung ứng bị đứt gãy, tình hình kinh tế thế giới gặp khó khăn, lạm phát tăng cao. Hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên thế giới và Việt Nam trở nên khó khăn hơn
- Sản phẩm chính của DONAC là tấm lợp, xi măng và vật liệu xây dựng, đây là ngành phụ trợ của ngành xây dựng. Ngành xây dựng gặp khó khăn về việc cấp phép cũng như các quy định thay đổi khiến cho ngành bị đình trệ trong năm vừa qua.

III. KẾ HOẠCH NĂM 2023

❖ Dự báo tình hình kinh tế năm 2023

Trong năm 2023, lĩnh vực xây dựng được dự báo sẽ vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn. Công ty đang nỗ lực thích nghi với điều kiện mới, nâng cao năng lực cạnh tranh, tìm kiếm cơ hội để duy trì và tối ưu hóa hoạt động Công ty.



❖ **Chỉ tiêu đề ra:**

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2023 | Thực hiện năm 2022 | % Tăng/giảm so với thực hiện năm 2022 |
|---------------------------|------------|-------------------|--------------------|---------------------------------------|
| Sản lượng sản xuất | | | | |
| + Tầm lợp | M2 | 2.264.277 | 1.847.656 | ↑ 22,55% |
| + Xi măng | Tấn | 602.460 | 440.587 | ↑ 36,74% |
| Sản lượng tiêu thụ | | | | |
| + Tầm lợp | M2 | 2.238.350 | 1.953.072 | ↑ 14,61% |
| + Xi măng | Tấn | 602.460 | 440.587 | ↑ 36,74% |
| Doanh thu thuần | Triệu đồng | 231.241 | 191.702 | ↑ 20,63% |
| EBITDA | Triệu đồng | 92.978 | 28.427 | ↑ 227,08% |
| Lỗ sau thuế | Triệu đồng | 3.051 | (77.594) | N/A |

❖ **Biện pháp thực hiện:**

Trải qua nền kinh tế năm 2022 nhiều biến động, Ban lãnh đạo Công ty đã kịp thời ứng phó với khó khăn nền kinh tế vĩ mô. Hội đồng quản trị nỗ lực thực hiện mục tiêu kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông bằng những giải pháp cải tiến như:

- Công ty quyết liệt từng bước giảm tỉ trọng cơ cấu nợ ngắn hạn, giảm thiểu rủi ro mất khả năng thanh toán đang tiềm ẩn.
- Đa dạng hóa thêm nhiều dòng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Bên cạnh đó, cần chú trọng nhiều vào chất lượng sản phẩm, tập trung vào những ngành nghề kinh doanh chính và những ngành nghề kinh doanh có lợi thế.
- Sử dụng nguồn vốn hợp lý và hiệu quả, ổn định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường tính kiểm soát, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, nâng cao hiệu quả công việc.
- Nhân lực là yếu tố then chốt trong sự phát triển của doanh nghiệp. Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kiến thức chuyên môn cho CBCNV, nhằm phát huy tối đa khả năng sáng tạo và tư duy của từng cá nhân. Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc và phương hướng hoạt động năm 2023.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua!

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC


LÊ THÂN

Số: 01 / TTr- ĐHĐCĐ

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán

Kính gửi:

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tám lớp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tám lớp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;

Căn cứ khoản f Điều 15 Điều lệ Công ty Cổ phần Tám lớp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai quy định quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Tám lớp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C, ký ngày 30 tháng 03 năm 2023. Báo cáo tài chính kiểm toán đã được Ban kiểm soát Công ty tiến hành thẩm tra thông qua và đã được Công ty công bố thông tin theo quy định. (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN CÔNG LÝ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI**

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 6 - 9 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 10 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 11 - 12 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 13 - 33 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 09 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại : +84 (0251) 383 6130
- Fax : +84 (0251) 383 6023

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh | Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai | Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác xử lý và cung cấp nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa;
- Bán buôn xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mỡ tô, xe máy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|------------------------|------------|-----------------------------------|
| Ông Nguyễn Công Lý | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Bá Thuyên | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Mai Thảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------|------------|------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thùy Vy | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021 |
| Ông Phạm Đức Hùng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 5 năm 2015 |
| Ông Nguyễn Hoàng Vĩ | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|
| Ông Lê Thân | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Nguyễn Văn Quý | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2019 |
| Bà Trần Thị Mộng Thu | Phó Giám đốc thường trực | Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2019 |
| Ông Lê Chung Chính ⁽ⁱ⁾ | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2022 |
| Bà Lê Thị Thắm | Phó Giám đốc quản lý chất lượng | Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2020 |



(i) Ông Lê Trung Chính được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Tắm Lốp theo Quyết định số 063/CTTL-TCHC ngày 13 tháng 9 năm 2013, tuy nhiên Ông đã nghỉ việc. Đến ngày 01 tháng 5 năm 2022 Ông quay trở lại và giữ chức vụ Phó Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Tắm Lốp.

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Thân - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Lê Thân
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 314.103.861.035 | 277.613.607.886 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 2.975.471.492 | 8.027.929.960 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 2.975.471.492 | 8.027.929.960 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 296.212.208.434 | 248.473.610.868 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.2 | 293.899.775.474 | 244.712.598.109 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.3 | 2.441.585.362 | 3.451.986.391 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.4 | 463.834.686 | 465.486.368 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.5 | (592.987.088) | (156.460.000) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 14.853.043.600 | 21.103.802.361 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 14.853.043.600 | 21.103.802.361 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 63.137.509 | 8.264.697 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 63.137.509 | - |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | - | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | - | 8.264.697 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|------------|-------------|------------------------|--|------------------------|--|
| | | | | | | |
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 451.267.783.628 | | 483.294.317.646 | |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | | - | |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | | - | |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | | - | |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | | - | |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | | - | |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | | - | |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | | - | | - | |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | | - | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 451.183.310.902 | | 483.294.317.646 | |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.7 | 444.835.983.165 | | 476.705.283.797 | |
| - Nguyên giá | 222 | | 1.068.719.658.598 | | 1.068.719.658.598 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (623.883.675.433) | | (592.014.374.801) | |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | | - | |
| - Nguyên giá | 225 | | - | | - | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | - | | - | |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.8 | 6.347.327.737 | | 6.589.033.849 | |
| - Nguyên giá | 228 | | 9.667.346.689 | | 9.667.346.689 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (3.320.018.952) | | (3.078.312.840) | |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | | - | |
| - Nguyên giá | 231 | | - | | - | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | | - | |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | | - | |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | | - | |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | - | | - | |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | | - | |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | | - | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | | - | |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.9 | 90.000.000.000 | | 90.000.000.000 | |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | V.9 | (90.000.000.000) | | (90.000.000.000) | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | | - | |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 84.472.726 | | - | |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 84.472.726 | | - | |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | V.10 | - | | - | |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | | - | |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | | - | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 765.371.644.663 | | 760.907.925.532 | |

0449815
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
TOÁN VÀ TƯ
A & C
TP. HỒ

75018-
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẮM LỢP
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI
Đ. T. Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số | |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | cuối năm | đầu năm |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.082.524.761.160 | 1.000.466.550.775 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.082.524.761.160 | 1.000.417.530.775 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.11 | 47.477.181.441 | 36.021.700.600 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 36.432.594 | 36.322.988 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.12 | 1.185.508.743 | 1.949.231.009 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.13 | 2.688.434.729 | 2.492.332.373 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 1.091.945.650 | - |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.14 | 569.362.343.397 | 495.735.029.199 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 460.657.270.145 | 464.157.270.145 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 25.644.461 | 25.644.461 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | 49.020.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | 49.020.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | - | - |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|------------|-------------|--------------------------|--|--------------------------|--|
| | | | | | | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | (317.153.116.497) | | (239.558.625.243) | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | (317.153.116.497) | | (239.558.625.243) | |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.16 | 272.236.470.000 | | 272.236.470.000 | |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 272.236.470.000 | | 272.236.470.000 | |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | | - | |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.16 | 76.737.250.400 | | 76.737.250.400 | |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | | - | |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | | - | |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | | - | |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | | - | |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | | - | |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | V.16 | 22.694.204.001 | | 22.694.204.001 | |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | | - | |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | | - | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.16 | (688.821.040.898) | | (611.226.549.644) | |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | (611.226.549.644) | | (611.226.549.644) | |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | (77.594.491.254) | | - | |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | | - | |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | | - | |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | | - | |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | | - | |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 765.371.644.663 | | 760.907.925.532 | |



Trần Thị Hoàng Sa
Kế toán trưởng/Người lập



Lê Thân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Đơn vị tính: VND | |
|--|-------|-------------|------------------|------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 196.062.843.085 | 192.307.556.969 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 4.361.311.855 | 4.970.670.272 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 191.701.531.230 | 187.336.886.697 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 186.541.559.591 | 160.767.025.706 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 5.159.971.639 | 26.569.860.991 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 9.020.904 | 10.887.601 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | 73.473.555.946 | 66.481.383.786 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 73.473.555.946 | 66.481.383.786 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.4 | 346.439.306 | 269.705.983 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.5 | 6.897.902.678 | 5.909.052.932 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (75.548.905.387) | (46.079.394.109) |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.6 | 23.045.074 | 207.532.464 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.7 | 2.068.630.941 | 165.327.467 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (2.045.585.867) | 42.204.997 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (77.594.491.254) | (46.037.189.112) |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.13 | - | - |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (77.594.491.254) | (46.037.189.112) |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9a, b | (2.850) | (1.691) |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.9a, b | (2.850) | (1.691) |



Trần Thị Hoàng Sa
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Lê Thân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | (77.594.491.254) | (46.037.189.112) |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.7, 8 | 32.111.006.744 | 33.868.277.132 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.5 | 436.527.088 | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | - | - |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 73.473.555.946 | 66.481.383.786 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 28.426.598.524 | 54.312.471.806 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (48.166.859.957) | (46.657.824.525) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 6.250.758.761 | (4.137.797.330) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 12.193.157.119 | (577.971.431) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | (147.610.235) | 1.022.845.959 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | - |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (1.443.955.788) | 3.961.724.479 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.11 | (108.502.680) | (108.502.680) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (108.502.680) | (108.502.680) |

03004
CÔ
RÁCH NI
TIỆM TO/
A
BINH
5018.C
TY
HÂN
LỢP
XÂY DỰNG
NG NAI
ĐA-T.ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | | Năm trước | |
|--|-----------|-------------|------------------------|---|----------------------|--|
| | | | | | | |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - | - | - | |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - | - | - | |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | - | - | - | - | |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.15 | (3.500.000.000) | - | - | |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | - | - | - | - | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | - | - | - | |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (3.500.000.000) | | - | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (5.052.458.468) | | 3.853.221.799 | |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 8.027.929.960 | | 4.174.708.161 | |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - | - | - | |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 2.975.471.492 | | 8.027.929.960 | |

4987
NG T
HỆM HỮ
N VÀ T
& C
T.P.H

Trần Thị Hoàng Sa
Kế toán trưởng/Người lập



Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Lê Thân
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tắm lợp và xây lắp; dịch vụ thương mại; khai thác xử lý và cung cấp nước.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm doanh thu của Công ty tăng, tuy nhiên lợi nhuận của Công ty giảm so với năm trước nguyên nhân chính là do chi phí lương nhân viên và chi phí nguyên vật liệu gia công xi măng cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thành tăng.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

| Tên đơn vị | Địa chỉ |
|---|--|
| Chi nhánh Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh | Số 2/14 - 2/16 đường Hàm Nghi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai - Chi nhánh Nhơn Trạch, Đồng Nai | Khu công nghiệp Ông Kèo, ấp 3, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai |

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 158 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 172 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty là chi phí sửa chữa phát sinh một lần giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 50 |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 20 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 6 - 20 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 10 |

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với tỷ lệ từ 2%/năm đến 2,5%/năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

44987
CÔNG TY
HIỆM HỮU
ÁN VẬT
& C
- T.P.H
1/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 26.253.622 | 377.021.930 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.949.217.870 | 7.650.908.030 |
| Cộng | 2.975.471.492 | 8.027.929.960 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh (là bên liên quan) | 291.986.939.985 | 242.536.366.251 |
| Phải thu các khách hàng khác | 1.912.835.489 | 2.176.231.858 |
| Cộng | 293.899.775.474 | 244.712.598.109 |

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Xây dựng Hữu Thành | 1.200.000.000 | 1.200.000.000 |
| FM Trading Company Limited | - | 1.190.000.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Dân Cường | 314.955.000 | 65.670.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 926.630.362 | 996.316.391 |
| Cộng | 2.441.585.362 | 3.451.986.391 |

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|----------------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Tạm ứng | 402.462.420 | - | 192.180.191 | - |
| Ký quỹ ngắn hạn | 31.300.000 | - | 31.300.000 | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 30.072.266 | - | 242.006.177 | - |
| Cộng | 463.834.686 | - | 465.486.368 | - |

5. Nợ quá hạn

| | Thời gian quá hạn | Số cuối năm | | Thời gian quá hạn | Số đầu năm | |
|--|-----------------------------------|------------------------|---------------------------|-----------------------------------|------------------------|---------------------------|
| | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Bên liên quan | | 223.426.008.519 | 223.426.008.519 | | 170.253.570.792 | 170.253.570.792 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 77.446.034.670 | 77.446.034.670 | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 70.348.438.011 | 70.348.438.011 |
| | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 123.110.446.921 | 123.110.446.921 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 99.905.132.781 | 99.905.132.781 |
| | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 22.869.526.928 | 22.869.526.928 | | | |
| Các tổ chức và cá nhân khác | | 3.211.800.219 | 2.618.813.132 | | 3.652.217.630 | 3.495.757.630 |
| Phải thu khách hàng khác | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 417.925 | 292.548 | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 401.170.072 | 401.170.072 |
| | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 291.170.072 | 291.170.072 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 699.846.899 | 699.846.899 |
| | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 409.846.899 | 409.846.899 | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 180.000.002 | 180.000.002 |
| | Trên 03 năm | 176.254.319 | 159.648.109 | Trên 03 năm | 301.254.317 | 301.254.317 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | | |
|--|-----------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Thời gian quá hạn | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các khoản trả trước cho người bán khác | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 89.170.004 | 89.170.004 | Từ 06 tháng đến dưới 01 năm | 31.790.000 | 31.790.000 |
| | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 398.027.000 | 238.184.500 | Từ 01 năm đến dưới 02 năm | 269.003.291 | 269.003.291 |
| | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 106.691.000 | 106.691.000 | | | |
| | Trên 03 năm | 1.740.223.000 | 1.323.810.000 | Trên 03 năm | 1.740.223.000 | 1.583.763.000 |
| Các khoản phải thu khác | | | | Trên 03 năm | 28.930.049 | 28.930.049 |
| Cộng | | 226.637.808.738 | 226.044.821.651 | | 173.905.788.422 | 173.749.328.422 |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 156.460.000 | 156.460.000 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 436.527.088 | - |
| Số cuối năm | 592.987.088 | 156.460.000 |

6. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-------------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 10.327.810.839 | - | 13.442.003.976 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 126.657.759 | - | 173.550.834 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 39.762.973 | - | 28.023.174 | - |
| Thành phẩm | 4.358.812.029 | - | 7.460.224.377 | - |
| Cộng | 14.853.043.600 | - | 21.103.802.361 | - |

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------|---------------------------------|---------------------------|-------------------|
| | Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 491.120.395.168 | 524.300.478.850 | 48.731.997.119 | 4.566.787.461 | 1.068.719.658.598 |
| Số cuối năm | 491.120.395.168 | 524.300.478.850 | 48.731.997.119 | 4.566.787.461 | 1.068.719.658.598 |
| Trong đó: | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 34.476.171.120 | 79.894.949.792 | 38.145.769.067 | 4.566.787.461 | 156.739.859.258 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 210.693.558.578 | 333.564.665.833 | 43.232.839.906 | 4.523.310.484 | 592.014.374.801 |
| Khấu hao trong năm | 11.228.770.775 | 19.668.629.028 | 928.423.852 | 43.476.977 | 31.869.300.632 |
| Số cuối năm | 221.922.329.353 | 353.233.294.861 | 44.161.263.758 | 4.566.787.461 | 623.883.675.433 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 280.426.836.590 | 190.735.813.017 | 5.499.157.213 | 43.476.977 | 476.705.283.797 |
| Số cuối năm | 269.198.065.815 | 171.067.183.989 | 4.570.733.361 | - | 444.835.983.165 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | * Cộng |
|-----------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|--------|
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 386.473.574.363 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.15).

8. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 9.118.644.029 | 548.702.660 | 9.667.346.689 |
| Số cuối năm | 9.118.644.029 | 548.702.660 | 9.667.346.689 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 507.502.660 | 507.502.660 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 2.541.970.166 | 536.342.674 | 3.078.312.840 |
| Khấu hao trong năm | 233.466.108 | 8.240.004 | 241.706.112 |
| Số cuối năm | 2.775.436.274 | 544.582.678 | 3.320.018.952 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 6.576.673.863 | 12.359.986 | 6.589.033.849 |
| Số cuối năm | 6.343.207.755 | 4.119.982 | 6.347.327.737 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh với tỷ lệ vốn góp 10%.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư này đã được lập dự phòng toàn bộ.

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế năm 2022 là 10.789.970.923 VND được chuyển sang trừ vào thu nhập chịu thuế các năm sau.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng các khoản lỗ được chuyển này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp | 7.717.486.791 | 5.688.872.455 |
| Công ty TNHH Khoáng sản Minh Tiến | 7.588.763.603 | 3.185.739.317 |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú | 4.832.100.000 | 4.832.100.000 |
| Công ty TNHH Thương mại Thái Sơn | 2.722.647.300 | 3.531.374.000 |
| Công ty TNHH Khoáng sản Hiệp Lực | - | 4.790.593.246 |
| Các nhà cung cấp khác | 24.616.183.747 | 13.993.021.582 |
| Cộng | 47.477.181.441 | 36.021.700.600 |

Trong đó, khoản phải trả về mua sắm tài sản cố định là 0 VND (số đầu năm là 108.502.680 VND).

Công ty có các khoản phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán như sau:

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hưng Phú | 4.832.100.000 | 4.832.100.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.832.937.292 | 2.832.937.292 |
| Cộng | 7.665.037.292 | 7.665.037.292 |

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|----------------------|------------------|------------------------|------------------------|----------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.949.231.009 | - | 4.802.975.553 | (5.597.484.314) | 1.154.722.248 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | - | - | - | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 8.264.697 | 58.796.457 | (26.878.929) | 23.652.831 | - |
| Thuế tài nguyên | - | - | 178.491.642 | (171.357.978) | 7.133.664 | - |
| Thuế môn bài | - | - | 43.626.978 | (43.626.978) | - | - |
| Cộng | 1.949.231.009 | 8.264.697 | 5.083.890.630 | (5.839.348.199) | 1.185.508.743 | - |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | | |
|--|---|-----|
| - Nước | : | 5% |
| - Tầm lợp, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu | : | 10% |

Riêng từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số hàng hoá, dịch vụ được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (77.594.491.254) | (46.037.189.112) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 66.804.520.331 | 50.277.700.480 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Thu nhập chịu thuế | (10.789.970.923) | 4.240.511.368 |
| Lỗi các năm trước được chuyển | - | (4.240.511.368) |
| Thu nhập tính thuế | (10.789.970.923) | - |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | - |

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và khoản lỗ được chuyển trong năm 2021 đã được Cục thuế tỉnh Đồng Nai kiểm tra, tính toán và xác nhận theo Quyết định số 2045/QĐ-CTDON ngày 06 tháng 9 năm 2022.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

| | | |
|-------------------------|---|----|
| - Sử dụng nước mặt | : | 3% |
| - Sử dụng nước dưới đất | : | 8% |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 10, 11, 12 và tiền thưởng năm 2022 phải trả người lao động.

14. Phải trả ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh – lãi vay phải trả ⁽ⁱ⁾ | 540.875.107.075 | 467.401.551.129 |
| Cổ tức phải trả | 27.263.285.675 | 27.263.285.675 |
| Kinh phí công đoàn | 94.752.495 | 38.158.815 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 245.196.426 | 162.877.767 |
| Các khoản nhận ký quỹ | 69.020.000 | 20.000.000 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 814.981.726 | 849.155.813 |
| Cộng | 569.362.343.397 | 495.735.029.199 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Theo thông báo số dự khoản tiền vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, số dư lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 550.726.362.983 VND. Nguyên nhân chênh lệch giữa số liệu của Ngân hàng và số liệu ghi nhận của Công ty là do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã điều chỉnh tăng lãi suất cho vay từ 10% lên 10,5%/năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 theo Thông báo lãi cho vay dài hạn số 747/CN TP.HCM-KHDNL ngày 01 tháng 9 năm 2016. Ngày 14 tháng 8 năm 2019 Công ty đã có Công văn số 18/CV2019-DONAC gửi Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh yêu cầu kiểm tra và xác nhận lại lãi suất và lãi vay phải trả. Đến nay Công ty vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh về yêu cầu này. Hiện Công ty chỉ trích trước chi phí lãi vay phải trả cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo lãi suất 10%/năm cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 10,5%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến nay.

Khoản lãi vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã quá hạn nhưng chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính.

15. Vay ngắn hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thành ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân và được thay đổi theo chính sách lãi suất cho vay của Ngân hàng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (xem thuyết minh số V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

| | |
|--------------------|------------------------|
| Số đầu năm | 464.157.270.145 |
| Số tiền vay đã trả | (3.500.000.000) |
| Số cuối năm | 460.657.270.145 |

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã quá hạn thanh toán trên 01 năm do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

16. Vốn chủ sở hữu

16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 272.236.470.000 | 76.737.250.400 | 22.694.204.001 | (565.189.360.532) | (193.521.436.131) |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | (46.037.189.112) | (46.037.189.112) |
| Số dư cuối năm trước | 272.236.470.000 | 76.737.250.400 | 22.694.204.001 | (611.226.549.644) | (239.558.625.243) |
| Số dư đầu năm nay | 272.236.470.000 | 76.737.250.400 | 22.694.204.001 | (611.226.549.644) | (239.558.625.243) |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | - | (77.594.491.254) | (77.594.491.254) |
| Số dư cuối năm nay | 272.236.470.000 | 76.737.250.400 | 22.694.204.001 | (688.821.040.898) | (317.153.116.497) |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|------------------------|------------------------|
| Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | 34.023.660.000 | 34.023.660.000 |
| Ông Nguyễn Công Lý | 57.200.000.000 | 57.200.000.000 |
| Ông Nguyễn Đoàn Mạnh | 37.148.600.000 | 37.148.600.000 |
| Các cổ đông khác | 143.864.210.000 | 143.864.210.000 |
| Cộng | 272.236.470.000 | 272.236.470.000 |

16c. Cổ phiếu

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 27.223.647 | 27.223.647 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 27.223.647 | 27.223.647 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 27.223.647 | 27.223.647 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 27.223.647 | 27.223.647 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 27.223.647 | 27.223.647 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**17a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 1.947.214.093 | 1.796.710.967 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 7.788.856.372 | 7.186.843.867 |
| Trên 05 năm | 47.219.941.756 | 44.386.412.972 |
| Cộng | 56.956.012.221 | 53.369.967.806 |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê đất với diện tích 90.024,6 m² và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 được Công ty thuê dưới hình thức thuê hoạt động với giá thuê 9.037 VND/m²/năm (đơn giá này được áp dụng cho thời gian thuê từ 01 tháng 01 năm 2021 đến 31 tháng 12 năm 2025). Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến từ ngày 12 tháng 4 năm 2051.

17b. Tài sản nhận giữ hộ

Vật tư nhận gia công của Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh là bên liên quan như sau:

| | <u>Đơn vị tính</u> | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| Clinker | Tấn | 12.855,03 | 23.644,93 |
| Đá vôi | Tấn | 657,57 | 396,53 |
| Vỏ bao xi măng | Cái | 109.322,00 | 238.478,00 |
| Xi lò cao | Tấn | 43,54 | 895,98 |



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17c. Ngoại tệ các loại**

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------|--------------------|-------------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 44,02 | 44,02 |
| Euro (EUR) | 374,30 | 374,30 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán tấm lợp | 71.694.458.154 | 68.531.037.000 |
| Doanh thu gia công xi măng | 121.339.281.950 | 119.707.827.150 |
| Doanh thu bán thành phẩm khác | 1.077.247.694 | 139.327.274 |
| Doanh thu khác | 1.951.855.287 | 3.929.365.545 |
| Cộng | <u>196.062.843.085</u> | <u>192.307.556.969</u> |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan

Công ty có các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------|-----------------|------------------|
| Doanh thu gia công xi măng | 121.339.281.950 | 119.707.827.150 |
| Doanh thu cho thuê xe | 109.090.908 | - |
| Doanh thu vận chuyển | - | 1.192.031.220 |

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản chiết khấu thương mại.

3. Giá vốn hàng bán

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của tấm lợp | 49.058.400.599 | 40.177.822.298 |
| Giá vốn gia công xi măng | 136.104.827.527 | 119.918.774.886 |
| Giá vốn thành phẩm khác | - | 652.872.099 |
| Giá vốn khác | 1.378.331.465 | 17.556.423 |
| Cộng | <u>186.541.559.591</u> | <u>160.767.025.706</u> |

4. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí vật liệu, bao bì | 108.723.490 | 92.926.953 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 59.327.628 | 59.327.628 |
| Các chi phí khác | 178.388.188 | 117.451.402 |
| Cộng | <u>346.439.306</u> | <u>269.705.983</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 3.774.314.932 | 3.330.380.868 |
| Chi phí vật liệu, bao bì | 35.106.527 | 49.100.280 |
| Chi phí đồ dung văn phòng | 8.009.080 | - |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 223.116.160 | 375.975.532 |
| Trích lập dự phòng phải thu khó đòi | 436.527.088 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 848.161.161 | 353.105.393 |
| Chi phí quản lý ở Nhơn Trạch | 1.034.633.528 | 1.074.917.926 |
| Chi phí khác | 538.034.202 | 725.572.933 |
| Cộng | <u>6.897.902.678</u> | <u>5.909.052.932</u> |

6. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--------------------------------|--------------------------|---------------------------|
| Thu nhập từ hoạt động cho thuê | 22.966.459 | 25.002.466 |
| Thu nhập khác | 78.615 | 182.529.998 |
| Cộng | <u>23.045.074</u> | <u>207.532.464</u> |

7. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 1.320.975.486 | 154.523.160 |
| Chi phí khác | 747.655.455 | 10.804.307 |
| Cộng | <u>2.068.630.941</u> | <u>165.327.467</u> |

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/(suy giảm) trên cổ phiếu**

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (77.594.491.254) | (46.037.189.112) |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | (77.594.491.254) | (46.037.189.112) |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 27.223.647 | 27.223.647 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | <u>(2.850)</u> | <u>(1.691)</u> |

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 76.900.512.338 | 69.347.859.334 |
| Chi phí nhân công | 16.859.854.102 | 15.028.173.673 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 32.111.006.744 | 33.868.277.132 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 58.626.400.289 | 48.698.327.465 |
| Chi phí khác | 6.186.976.509 | 2.238.088.831 |
| Cộng | <u>190.684.749.982</u> | <u>169.180.726.435</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Ông Lê Thân – Tổng Giám đốc | 372.788.894 | 290.883.105 |
| Ông Nguyễn Văn Quý – Phó Tổng Giám đốc | 490.906.488 | 351.846.153 |
| Bà Lê Thị Thắm – Phó Giám đốc | 229.936.108 | 138.371.586 |
| Bà Trần Thị Mộng Thu – Phó Giám đốc thường trực | 166.866.734 | 164.886.715 |
| Ông Lê Trung Chính – Phó Giám đốc | 450.000.000 | - |
| Ông Nguyễn Quang Hiền – Giám đốc Sản xuất | - | 122.770.849 |
| Cộng | <u>1.710.498.224</u> | <u>1.068.758.408</u> |

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh là công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Giao dịch với bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch về mua nguyên vật liệu của Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh với số tiền là 23.439.526.457 VND (năm trước là 28.086.065.696 VND).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp.
- Lĩnh vực sản xuất xi măng: sản xuất và gia công xi măng.
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển, dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Sản xuất tấm lợp | Gia công xi măng | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|-----------------------|------------------------|----------------------|-------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 67.333.146.299 | 121.339.281.950 | 3.029.102.981 | 191.701.531.230 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 67.333.146.299 | 121.339.281.950 | 3.029.102.981 | 191.701.531.230 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 14.372.715.670 | (18.048.529.903) | 1.591.443.888 | (2.084.370.345) |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | (2.084.370.345) |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 9.020.904 |
| Chi phí tài chính | | | | (73.473.555.946) |
| Thu nhập khác | | | | 23.045.074 |
| Chi phí khác | | | | (2.068.630.941) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | (77.594.491.254) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | - | - | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 704.983.420 | 31.189.261.879 | 216.761.445 | 32.111.006.744 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | 157.477.500 | 279.049.588 | - | 436.527.088 |
| Năm trước | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 63.560.366.728 | 119.707.827.150 | 4.068.692.819 | 187.336.886.697 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 63.560.366.728 | 119.707.827.150 | 4.068.692.819 | 187.336.886.697 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 20.072.875.890 | (2.927.783.530) | 3.246.009.716 | 20.391.102.076 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | - |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | 20.391.102.076 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | 10.887.601 |
| Chi phí tài chính | | | | (66.481.383.786) |

300449
CÔNG
CHÍNH
TỔNG
A 8
NH
NG
PH
ML
EUX
ÔNG
HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Sản xuất tắm lợp | Gia công xi măng | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|---|----------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------|
| Thu nhập khác | | | | 207.532.464 |
| Chi phí khác | | | | (165.327.467) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | (46.037.189.112) |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | | |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 1.041.057.481 | 33.595.550.638 | 254.514.972 | 34.891.123.091 |
| Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn) | | | | |

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Sản xuất tắm lợp | Gia công xi măng | Các lĩnh vực khác | Cộng |
|--|---------------------|---------------------|----------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 9.520.197.869 | 728.549.626.880 | 24.326.348.421 | 762.396.173.171 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 2.975.471.492 |
| Tổng tài sản | | | | 765.371.644.663 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 14.425.995.421 | 1.050.524.072.742 | 893.209.610 | 1.065.843.277.773 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 16.681.483.387 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 1.082.524.761.160 |
| Số đầu năm | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | 14.328.424.253 | 734.971.000.139 | 3.572.306.483 | 752.871.730.875 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | 8.036.194.657 |
| Tổng tài sản | | | | 760.907.925.532 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | 12.798.508.121 | 977.389.622.791 | 400.041.674 | 990.588.172.586 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | 9.878.378.189 |
| Tổng nợ phải trả | | | | 1.000.466.550.775 |

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 hoạt động kinh doanh của Công ty đã lỗ 77.594.491.254 VND. Bên cạnh đó, khoản lỗ lũy kế đến ngày này là 688.821.040.898 VND, vượt vốn góp của chủ sở hữu và các quỹ số tiền là 317.153.116.497 VND. Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 768.420.900.125 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin rằng sẽ được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cơ cấu lại nợ vay và lịch trả nợ. Theo đó, các khoản vay và lãi vay sẽ được gia hạn thời gian trả nhằm giảm áp lực trả nợ vay của Công ty trong thời gian ngắn hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 4, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

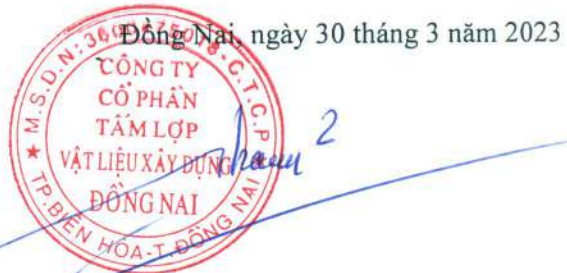
BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.




Trần Thị hoàng Sa
Kế toán trưởng/Người lập


Lê Thân
Tổng Giám đốc



Số: 02 / TTr- ĐHĐCĐ

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tầm lọc Vật liệu Xây dựng Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tầm lọc Vật liệu Xây dựng Đồng Nai;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua nội dung: Do kết quả kinh doanh năm 2022 bị lỗ, nên Công ty sẽ không chia cổ tức và không trích lập các quỹ trong năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua,

Xin chân thành cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Công Lý

Số: 03 / TTr- ĐHĐCĐ

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

Kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận năm 2023:

- Doanh thu thuần : 231,24 tỷ đồng.
- EBITDA : 92,98 tỷ đồng.

Phân phối lợi nhuận năm 2023:

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 nếu Công ty có lãi như sau:

- 1% lợi nhuận sau thuế sẽ được dùng để trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- Phần còn lại sẽ dùng để bù đắp khoản lỗ lũy kế của các năm trước

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN CÔNG LÝ

Số: 04 / TTr- ĐHĐCĐ

Biên Hòa, ngày ... tháng ... năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn công ty để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng
Đồng Nai**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tắm lợp Vật liệu Xây dựng Đồng Nai.

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 đạt hiệu quả cao nhất. Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán cho Công ty và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Công Lý

Số: 01 /2023/BB-ĐHĐCĐ

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 06 năm 2023

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

- **Tên Công ty** : Công ty Cổ phần Tắm lợp - VLXD Đồng Nai
- **Trụ sở chính** : Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Đường Số 4, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
- **Mã số doanh nghiệp** : Số 3600475018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 09 năm 2000 và thay đổi lần thứ 7 vào ngày 09 tháng 05 năm 2019.
- **Thời gian bắt đầu** : 10 giờ 30, ngày 09 tháng 06 năm 2023
- **Địa điểm họp** : Nhà máy Xi măng Công Thanh - Thôn Tam Sơn, Xã Tân Trường, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

- Người báo cáo: Ông Doãn Ninh – Chức vụ Trưởng ban Kiểm tra tư cách đại biểu
- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 17/05/2023, sở hữu 27.223.647 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tắm lợp - VLXD Đồng Nai
 - Cổ đông tham dự Đại hội: 04 cổ đông và 02 đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 17.674.349 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 64.92% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tắm lợp - VLXD Đồng Nai đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

Nội dung 04: Tờ trình báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán

Nội dung 05: Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022

Nội dung 06: Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Nội dung 07: Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Nội dung 08: Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán

Người trình bày: Ông Doãn Ninh

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:

1. Cổ đông Ông Quách Hồng Hà – Đại diện cổ phần của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam góp ý với Đại hội như sau:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cần chi tiết các số liệu sản xuất, bán hàng, chỉ tiêu nộp Ngân sách Nhà nước, giải trình cơ sở xây dựng kế hoạch, báo cáo ĐHĐCĐ theo quy định;

- Rà soát các hợp đồng, giao dịch với người, tổ chức có liên quan thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định điều 167 Luật Doanh Nghiệp 2020 để đưa vào nội dung Đại hội theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật;

- Ban điều hành Công ty cần chú ý ý kiến kiểm toán trên báo cáo tài chính 2022 về chỉ tiêu nộp NSNN năm 2022 là 5,839 tỷ đồng;

- Năm 2023 Công ty hoạt động có Lãi thì sẽ ưu tiên bù lỗ lũy kế các năm trước.

- Rà soát các văn bản Điều lệ, Quy chế hoạt động của Công ty phù hợp theo những thay đổi của luật hiện hành và văn bản số 623/VICEM-HĐTV ngày 06/04/2023.

- Nên xem xét sử dụng giá trị dự kiến chi việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS (nếu có lãi) để bù lỗ lũy kế các năm trước.

Phản hồi:

Ông Nguyễn Công lý: Ban điều hành Công ty ghi nhận các ý kiến của cổ động và sẽ thực hiện chỉ đạo rà soát, kiểm tra lại Điều lệ, quy chế để thực hiện đúng theo luật hiện hành; và kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch phân bổ lợi nhuận năm 2023 và sau đó sẽ thông báo lại cho quý cổ đông.

Xin cảm ơn.

2. Cổ đông

.....
.....
.....
.....
.....

Giải đáp:

PHẦN IV. CỘ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín các nội dung sau:

Nội dung 1: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023

➤ Kết quả biểu quyết:

| | | |
|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Số phiếu tán thành: 3 | - Số cổ phần: 14.271.983 | - Tỷ lệ: 80,75% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không tán thành: 1 | - Số cổ phần: 3.402.366 | - Tỷ lệ: 19,25% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không ý kiến: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |
| Số phiếu không hợp lệ: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua.

Nội dung 2: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023

➤ Kết quả biểu quyết:

| | | |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Số phiếu tán thành: 3 | - Số cổ phần: 14.271.983 | - Tỷ lệ: 80,75% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không tán thành: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: %CPBQ dự họp |
| Số phiếu không ý kiến: 1 | - Số cổ phần: 3.402.366 | - Tỷ lệ: 19,25% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không hợp lệ: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua.

Nội dung 3: Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023

➤ Kết quả biểu quyết:

| | | |
|---------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Số phiếu tán thành: 3 | - Số cổ phần: 14.271.983 | - Tỷ lệ: 80,75% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không tán thành: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: %CPBQ dự họp |
| Số phiếu không ý kiến: 1 | - Số cổ phần: 3.402.366 | - Tỷ lệ: 19,5% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không hợp lệ: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua.

Nội dung 4: Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán

➤ Kết quả biểu quyết:

| | | |
|---------------------------|--------------------------|------------------------------|
| Số phiếu tán thành: 4 | - Số cổ phần: 17.674.349 | - Tỷ lệ: 100,00% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không tán thành: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: %CPBQ dự họp |
| Số phiếu không ý kiến: 0 | - Số cổ phần: 0 | - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp |
| Số phiếu không hợp lệ: 0 | - Số cổ phần:0 | - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp |

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua.

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022

➤ Kết quả biểu quyết:

| | | |
|-----------------------------|--------------------------|----------------------------|
| Số phiếu tán thành: 4 | - Số cổ phần: 17.674.349 | - Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp |
| Số phiếu không tán thành: 0 | - Số cổ phần: 0 | - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp |
| Số phiếu không ý kiến: 0 | - Số cổ phần: 0 | - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp |
| Số phiếu không hợp lệ: 0 | - Số cổ phần:0 | - Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp |

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua.

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

➤ Kết quả biểu quyết:

| | | |
|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Số phiếu tán thành: 3 | - Số cổ phần: 14.271.983 | - Tỷ lệ: 80,75% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không tán thành: 1 | - Số cổ phần: 3.402.366 | - Tỷ lệ: 19,25% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không ý kiến: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |
| Số phiếu không hợp lệ: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua.

Nội dung 7: Thông qua Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

➤ Kết quả biểu quyết:

| | | |
|-----------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Số phiếu tán thành: 3 | - Số cổ phần: 14.271.983 | - Tỷ lệ: 80,75% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không tán thành: 1 | - Số cổ phần: 3.402.366 | - Tỷ lệ: 19,25% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không ý kiến: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |
| Số phiếu không hợp lệ: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua.

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán

➤ **Kết quả biểu quyết:**

| | | |
|---------------------------|--------------------------|------------------------------|
| Số phiếu tán thành: 4 | - Số cổ phần: 17.674.349 | - Tỷ lệ: 100,00% CPBQ dự họp |
| Số phiếu không tán thành: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: %CPBQ dự họp |
| Số phiếu không ý kiến: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |
| Số phiếu không hợp lệ: | - Số cổ phần: | - Tỷ lệ: % CPBQ dự họp |

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua.

PHẦN VI: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày: Bà Trịnh Thanh Dung, đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản nay được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Tấm lợp - VLXD Đồng Nai.

Đại hội kết thúc 11 giờ 00 cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Trịnh Thanh Dung

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Công Lý

Số: 01/ND-DHCD

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 06 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP - VLXD ĐỒNG NAI**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/pQH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tắm lợp VLXD Đồng Nai;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01 /2023/BB-ĐHCD ngày 09 tháng 06 năm 2023.



QUYẾT NGHỊ

Ngày 09/06/2023, tại Nhà máy Xi măng Công Thanh - Thôn Tam Sơn, Xã Tân Trường, Thị xã Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Tắm lợp - VLXD Đồng Nai được tổ chức với sự tham gia của 4 cổ đông sở hữu 17.405.924 cổ phần chiếm 63,94% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 14.271.983 chiếm tỷ lệ 80,75% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 14.271.983 chiếm tỷ lệ 80,75% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 14.271.983 chiếm tỷ lệ 80,75% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 4: Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã kiểm toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 17.674.349 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 5: Thông qua Tờ trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2022

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 17.674.349 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 6: Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 14.271.983 chiếm tỷ lệ 80,75% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 7: Thông qua Tờ trình thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 14.271.983 chiếm tỷ lệ 80,75% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 8: Thông qua Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán

Đại hội đã biểu quyết thông qua với số cổ phần tán thành là 17.674.349 chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty Cổ phần Tấm lợp - VLXD Đồng Nai thông qua toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT.
- Ban Tổng Giám Đốc.
- Thư ký công ty.

TM Hội Đồng Quản Trị
Chủ tịch



NGUYỄN CÔNG LÝ

